

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Văn Thành** - Phát triển kinh tế số và quản lý nhà nước với phát triển kinh tế số ở Việt Nam. *Mã số: 144.1DEco.12* 2
Digital Economy Development and Government Management in Viet Nam
- 2. Nguyễn Quyết** - Ảnh hưởng bất cân xứng của giá xăng dầu đến giá tiêu dùng tại thị trường Việt Nam: tiếp cận bằng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến. *Mã số: 144.1TrEM.11* 10
The Asymmetric Effect of Gasoline Price on Consumer Prices in Vietnam Market: the Non-linear Autoregressive Distributed Lag Model Approach
- 3. Huỳnh Thị Cẩm Hà** - Kiệt quệ tài chính và chiến lược tái cấu trúc theo chu kỳ sống của các công ty Việt Nam. *Mã số: 144.1DEco.11* 19
Financial Distress and Restructuring by Life Cycle in Vietnamese Firms
- 4. Doãn Thị Mai Hương** - Nghiên cứu tác động của chính sách của tổ chức và các nhân tố thuộc về lao động người cao tuổi đến sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi Việt Nam. *Mã số: 144.1HRMg.11* 30
A Study on the Impact of Organizational and Elderly labor Factors on Effective Elderly Labor Use in Vietnam

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Nguyễn Thị Phương Liên và Tô Thanh Hương** - Phát triển kênh phân phối tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính trực thuộc ngân hàng thương mại ở Việt Nam. *Mã số: 144.2FiBa.21* 41
Developing Consumption Crediting Channels in Financial Companies under Commercial Banks in Vietnam
- 6. Phạm Văn Thanh** - Quản trị quan hệ đối tác trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. *Mã số: 144.2BMkt.22* 51
Managing Partnership in Business of Petrolimex
- 7. Đinh Thị Phương Anh** - Hoạt động đầu tư trái phiếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam - Thực trạng và một số định hướng, giải pháp. *Mã số: 144.2FiBa.22* 59
Bond investing activities of Vietnamese commercial banks - Current situation and implications
- 8. Nguyễn Thị Minh Nhân và Bùi Thị Thu Hà** - Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thực hiện đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp May ở Việt Nam. *Mã số: 144.2BAdm.21* 68
A Study on the Factors Affecting Social Dialogue in Garment Enterprises in Vietnam

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 9. Mai Ngọc Cường và Phạm Minh Lộc** - Những đóng góp của khu công nghiệp đối với sự phát triển nhân lực ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Thực trạng và vấn đề. *Mã số: 144.3HRMg.31* 81
The Contribution of Industrial Parks to the Industrial Personnel Development in Hải Phòng City: Situation and Problems

PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Văn Thành
Thư trưởng Bộ Công an
Email: thanhnv1957@gmail.com

Ngày nhận: 08/07/2020

Ngày nhận lại: 03/08/2020

Ngày duyệt đăng: 13/08/2020

Với dân số gần 100 triệu dân, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN. Việt Nam đã ghi nhận sự xuất hiện xu hướng số hóa ở nhiều lĩnh vực, ngành kinh tế, từ thương mại, thanh toán cho đến giao thông, giáo dục, y tế... Ngoài ra, thị trường thương mại điện tử cũng đang phát triển nhanh và quy mô thị trường quảng cáo trực tuyến của Việt Nam cũng đang có xu hướng tăng nhanh. Tuy nhiên, để nền kinh tế số phát triển nhanh, bền vững và bắt kịp xu thế của thế giới, vai trò của Nhà nước trong việc kiến tạo phát triển đối với nền kinh tế số là hết sức quan trọng và cần thiết phải được tăng cường trong bối cảnh công nghiệp 4.0 đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Từ khóa: Phát triển kinh tế số, quản lý nhà nước, kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0

JEL Classifications: P20; P40

1. Phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ và tạo ra thời cơ mới để Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn và hiệu quả hơn vào nền kinh tế thế giới, đồng thời tranh thủ được các thành tựu của khoa học - công nghệ tiên tiến để đẩy nhanh hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với quá trình đó, nền kinh tế số của Việt Nam thời gian gần đây cũng đã có sự phát triển mạnh mẽ. Theo báo cáo nghiên cứu của Google và Temasek (Singapore), kinh tế số của Việt Nam đạt quy mô khoảng 3 tỷ USD năm 2015, tăng lên 9 tỷ USD năm 2018 và dự báo đạt 30 tỷ USD vào năm 2025. Còn theo một nghiên cứu khác của Tổ chức Data61 (Australia), GDP Việt Nam có thể tăng thêm khoảng 162 tỷ USD trong 20 năm tới nếu Việt Nam chuyển đổi số thành công.

Việt Nam đang có nhiều thuận lợi để phát triển bởi hiện tại hơn 70% dân số Việt Nam đang sử dụng điện thoại thông minh, trong đó 70% thuê bao di động đang sử dụng mạng 3G, 4G. Có 68% người Việt xem video và nghe nhạc mỗi ngày trên thiết bị

di động. Tỷ lệ sở hữu điện thoại trung bình là 1,7 máy/người, số người truy cập các trang thương mại điện tử thông qua điện thoại di động chiếm 72%, mua hàng trực tuyến online qua điện thoại chiếm 53%. Internet đã trở thành một phần thiết yếu của các ngành thương mại dịch vụ như: ngân hàng, giao thông, y tế..., ước tính mức độ đóng góp của Internet là khoảng 2-3% GDP của Việt Nam và dự báo sẽ tăng đến 40-50% GDP trong tương lai. Theo thống kê của Tập đoàn Miniwatts Marketing, Việt Nam hiện xếp thứ 13 trong top 20 quốc gia có số dân sử dụng mạng Internet đông nhất thế giới¹.

Ở Việt Nam, các hình thức kinh tế số bắt đầu xuất hiện, nở rộ trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ chia sẻ phương tiện giao thông, nơi lưu trữ hoặc các dịch vụ truyền hình có trả tiền... Các doanh nghiệp tham gia vào kinh tế số dựa trên nền tảng quan trọng là viễn thông, công nghệ thông tin mà cơ bản là công nghệ số.

Hệ sinh thái số của Việt Nam gồm ba thị trường nổi bật là viễn thông, CNTT và thương mại điện tử. Trong đó, trong lĩnh vực viễn thông, các doanh nghiệp viễn thông, Internet ở Việt Nam đã phát

1. Chuyển đổi số và hiện trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam, <https://vietnamnet.vn/vn/thong-tin-truyen-thong/kinh-te-so-va-hien-trang-phat-trien-kinh-te-so-o-viet-nam-512935.html>

triển vượt bậc và đạt mức doanh thu 6,1 tỷ USD, góp phần tạo ra hơn 851.000 việc làm cho xã hội. Còn thương mại điện tử cũng tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và quy mô thị trường, hiện ở mức 5,2 tỷ USD. Năm 2017, 21 doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử đã thu hút đầu tư nước ngoài với tổng số vốn lên đến 83 triệu USD. Xu hướng sát nhập và mua lại (M&A) giữa các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam cũng đã tăng trưởng đều cả về giá trị và số lượng thương vụ. Năm 2019, doanh thu bán lẻ thị trường Việt Nam ước đạt 211 tỷ USD, trong đó doanh thu thương mại điện tử đạt khoảng 10,4 tỷ USD tương ứng 4,92% thị phần bán lẻ. Chỉ trong một thời gian ngắn, thương mại điện tử tại Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng trung bình từ 25% -30%/năm, dự tính sẽ đạt mốc 50 tỷ USD chiếm khoảng 12% thị trường bán lẻ trong nước đến năm 2025.

Với những giá trị to lớn mà nền kinh tế số đã và sẽ mang đến, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc khẳng định Việt Nam xác định kinh tế số là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kinh tế số là đòn bẩy để Việt Nam có thể đi nhanh, đi tắt, trở thành “con hổ” thứ 5, biểu tượng trỗi dậy tiếp theo của châu Á².

Hiện nay, nền kinh tế số Việt Nam đang dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 2 trong 7 thành phố lớn phát triển nền kinh tế số của khu vực. Việt Nam trở thành thị trường đón nhận nguồn đầu tư đứng thứ 3 trong khu vực sau Indonesia và Singapore³.

Theo thống kê của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương), trong 10 năm qua, kinh tế số Việt Nam đã phát triển không ngừng về cả nền tảng hạ tầng lẫn thị trường kinh doanh. Cùng với sự thâm nhập ngày càng sâu rộng của internet, các thiết bị di động và mạng xã hội, nên ngày càng nhiều cá nhân tham gia mạng lưới thương mại điện tử. Có tới 25% tổng số người dân tham gia mua hàng trực tuyến qua mạng facebook hoặc Zalo. Việt Nam xếp thứ 13 trong top 20 quốc gia có số dân sử

dụng mạng internet đông nhất thế giới. Năm 2018, thương mại điện tử ở Việt Nam tăng trưởng 30% với tổng doanh thu bán lẻ của thương mại điện tử đạt 8 tỷ USD. Dự kiến, năm 2020 con số này sẽ đạt từ 13 tỷ - 15 tỷ USD⁴.

Chính sự phát triển sôi động của kinh tế số đã và đang mang lại cơ hội cho nhiều doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ tại Việt Nam. Các nền tảng thương mại điện tử có thể đưa doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ đến với những thị trường lớn cả trong và ngoài nước. Khi tham gia vào thị trường lao động trong nền kinh tế số, người lao động phải đổi mới để thích nghi vì các kỹ năng, kiến thức và các phương thức kinh doanh truyền thống trước đây cũng chuyển sang môi trường số. Việc này sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn cho doanh nghiệp và người lao động.

Tuy nhiên, trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu gia tăng, việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức, trong đó có vấn đề về mặt pháp lý, an toàn tấn công mạng về việc đảm bảo quyền riêng tư của người dùng. Theo thống kê của hãng bảo mật Kaspersky, năm 2017 có 35,01% người dùng Internet Việt Nam có khả năng bị tấn công mạng, xếp thứ 6 thế giới. Trung tâm ứng cứu sự cố máy tính Việt Nam (VNCERT) cho biết, có tổng cộng 10.000 vụ tấn công mạng nhằm vào Internet Việt Nam năm 2017, gây thất thoát 12,3 nghìn tỷ đồng. Rõ ràng, sự phát triển mạnh mẽ của Internet và công nghệ được kỳ vọng sẽ tạo ra một nền tảng hỗ trợ cho nền kinh tế số phát triển nhanh và đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới. Tuy nhiên, để nền kinh tế số phát triển một cách bền vững thì cần phải có các giải pháp hỗ trợ đồng bộ và sự nỗ lực từ nhiều phía.

Cùng với đó, thói quen sử dụng tiền mặt trong tiêu dùng của người Việt Nam còn tương đối phổ biến. Mặc dù doanh số thương mại điện tử ở Việt Nam tăng nhưng tỷ lệ giao dịch trực tuyến chưa đáng kể. Việc người mua hàng thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng vẫn rất phổ biến. Nhiều giao dịch mua bán phổ thông được thanh toán theo hình thức trả tiền mặt khi nhận hàng (Cash On Delivery -

2. Xây dựng nền kinh tế số làm đòn bẩy cho Việt Nam phát triển, <http://www.dalat-info.vn/vn/tin-tuc/xay-dung-nen-kinh-te-so-lam-don-bay-cho-viet-nam-phat-trien-40934.phtml>

3. Nhận diện Kinh tế số, <https://nhandan.com.vn/kinhte/item/42307702-nhan-dien-kinh-te-so.html>

4. <http://tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/815928/kinh-te-so-va-co-hoi-de-viet-nam-but-pha.aspx>

COD). Hình thức thanh toán này có khả năng làm “xói mòn” sự tin tưởng giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, là trở ngại rất lớn cho sự phát triển của thương mại điện tử. Bởi lẽ, giữa bên bán và bên mua đều tồn tại vấn đề nghi kỵ về chất lượng hàng hóa, dịch vụ, các vấn đề sau bán hàng như bảo hành, đổi trả... dẫn đến khả năng thành công trong giao dịch thương mại giảm.

2. Quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Kinh tế số là lĩnh vực mới và tương đối rộng lớn nên quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam cũng tương đối rộng và đa dạng. Tuy nhiên, có thể khái quát hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này ở một số nội dung chủ yếu sau:

2.1. Về đầu tư phát triển hạ tầng số (*Digital Infrastructure*)

a) Hạ tầng chính sách

Các cơ chế quản lý chưa theo kịp sự phát triển của các mô hình kinh doanh mới, nhất là các mô hình dựa trên công nghệ số. Kinh tế số có đặc thù là dựa trên nền tảng công nghệ, nền tảng Internet với tốc độ phát triển và thay đổi vô cùng nhanh chóng. Trong khi đó, việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các hành vi trong xã hội lại cần thời gian để nghiệm chứng nên không thể theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Do đó, hoàn thiện, liên thông hệ thống chính sách pháp luật về kinh tế số là rất quan trọng nhằm tạo môi trường thông thoáng, có tính khuyến khích cho việc sáng tạo, ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh - thương mại. Đồng thời, vẫn cần có sự theo dõi sát của các cơ quan quản lý nhà nước để ngăn chặn các hình thức biến tướng của công nghệ có thể gây hại cho môi trường kinh doanh cũng như lợi ích cộng đồng.

b) Hạ tầng nhân lực số (*Digital Economy Skills*)

Nhân lực số là một cấu phần quan trọng của Kinh tế số. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam vẫn là quốc gia thâm dụng lao động, với thị trường lao động nặng về lao động đơn giản, trong khi đó, xu hướng đang dịch chuyển sang lao động có tay nghề, đặc biệt lao động trong thời kỳ số hóa. Về tỷ lệ lao động trong nền kinh tế tại Việt Nam theo khảo sát của WEF: 40% là lao động tay nghề thấp, 50% lao động trung bình và chỉ 10% là lao động có tay nghề. Kết quả nghiên cứu của ILO tại Việt Nam, cũng chỉ ra rằng trong 10 năm tới, 70% số việc làm có rủi ro cao, 18% rủi ro trung bình, và chỉ 12% lao động có rủi ro thấp.

c) Hạ tầng viễn thông, internet:

Hiện nay, Việt Nam có lợi thế tỷ lệ dùng Internet, điện thoại, điện thoại thông minh khá cao. Tuy nhiên, để phát triển Kinh tế số đồng bộ khắp cả nước, hạ tầng viễn thông, internet cũng vẫn còn bộc lộ một số điểm yếu như: tỷ lệ dân thành thị còn thấp 35%, độ phủ sóng mạng 4G rất thấp so với khu vực chỉ 3%. Cần phát triển mạnh độ phủ sóng mạng 3G/4G cũng như mạng băng rộng di động mặt đất. Ngoài ra, chi phí cho băng rộng di động còn rất cao nằm trong top cuối của các nước.

d) Hạ tầng thanh toán (*digital payment*):

Đây là một trong những hạn chế lớn trong phát triển Kinh tế số hiện nay. Tỷ lệ thanh toán điện tử tại Việt Nam còn rất thấp, tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng là 40%, tuy nhiên trong đó chỉ 22% các tài khoản là hoạt động, khoảng 15% người dùng có ví điện tử, và chỉ dưới 5% dùng tài khoản để trả các phí dịch vụ, tỷ lệ thanh toán online cũng chỉ chiếm khoảng 10%, gần 90% phương thức thanh toán khi mua hàng điện tử vẫn là hình thức thanh toán tiền mặt khi nhận hàng.

đ) Hạ tầng chuyển phát (*Fulfilment of last mile delivery*)

Thương mại điện tử phát triển dẫn đến nhu cầu cao về dịch vụ chuyển phát, đặc biệt chuyển phát cần nhanh và chi phí thấp. Ngoài ra, logistics cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế số, quy trình cung ứng hàng hoá cần phát triển đáp ứng mức độ tự động hoá của các dây chuyền. Tuy nhiên, giống như các nước Đông Nam Á hiện nay, hạ tầng vận chuyển chặng cuối cũng như hạ tầng logistics nói chung của Việt Nam vẫn còn chưa phát triển mạnh. Theo khảo sát của UPU (2017), chỉ số phát triển dịch vụ vận chuyển (2IPD) của Việt Nam vẫn còn thấp, chiếm khoảng 47.8% (trong khi trung bình khu vực ĐNA là 38.9%, trung bình các nước phát triển là 67.8%). Trong đó, hạ tầng, chất lượng vận chuyển, thời gian vận chuyển, thủ tục thông quan, chi phí, các dịch vụ theo dõi đơn hàng và truy vết vẫn chưa thực sự phát triển đồng bộ và còn bộc lộ nhiều hạn chế. Theo khảo sát của Cục Thương mại điện tử và Kỹ thuật số năm 2017, 40% khách hàng mua hàng trực tuyến chưa hài lòng về việc vận chuyển, giao hàng.

2.2. Về phát triển các hình thức kinh doanh điện tử (*E-business*)

Để thúc đẩy hoạt động kinh doanh điện tử, một trong những yếu tố cần thiết cho Chính phủ, các tổ chức và doanh nghiệp đó là Chuyển đổi số. Hoạt

động chuyển đổi số của Chính phủ trong những năm gần đây được thực hiện và đẩy mạnh thông qua Nghị Quyết 36a về Chính phủ điện tử. Tuy nhiên, vẫn còn chưa đồng bộ và đạt hiệu quả rõ rệt so với các nước trong khu vực. Trong thời gian tới, nhằm thúc đẩy Kinh tế số, cần có lộ trình và ứng dụng mạnh công nghệ số hiện đại trong xây dựng Chính phủ điện tử.

Ở góc độ doanh nghiệp, theo khảo sát mới nhất của Bộ Công Thương đối với tính sẵn sàng ứng dụng công nghệ số, thành quả của CMCN 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp cho thấy, mặc dù ngành công nghiệp đã có một số doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực (như dầu khí, điện...) chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với sự thay đổi của công nghệ số/công nghệ cao, tuy nhiên có tới 82% các doanh nghiệp của ngành đang ở vị trí mới nhập cuộc, trong đó 61% còn đứng ngoài cuộc và 21% doanh nghiệp bắt đầu có các hoạt động chuẩn bị ban đầu. Điểm trung bình toàn ngành là 0,51 điểm, tương đương với mức sẵn sàng đầu tiên là mức 0 hay chưa có sự chuẩn bị nào. Chuyển đổi số trong ngành công nghiệp nhằm xây dựng “Công nghiệp thông minh” được đánh giá là động lực quan trọng của phát triển Kinh tế số. Tuy nhiên 16/17 ngành khảo sát ưu tiên đều đang có mức sẵn sàng ban đầu, mức 0. Đáng chú ý, ba ngành chủ lực của nền kinh tế hiện nay là cơ khí, dệt, may và da giày lại là những ngành có điểm đánh giá thấp nhất.

Các doanh nghiệp ở khối thương mại và dịch vụ được đánh giá tiếp cận công nghệ số và có tính sẵn sàng cao hơn. Doanh nghiệp trong các lĩnh vực logistics, du lịch, bảo hiểm... và đặc biệt là tài chính đã và đang có những ứng dụng công nghệ số nhất định trong hiện đại hóa quy trình sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn ở mức thấp so với khu vực và thế giới. Đặc biệt, theo nghiên cứu của WEF trong khuôn khổ “Sáng kiến chuyển đổi số - DTI”, 7 công nghệ đang và sẽ thay đổi nền sản xuất của thế giới bao gồm: Trí tuệ nhân tạo (AI); xe tự lái; phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây; công nghệ in 3D; Internet vạn vật và các thiết bị kết nối; Robots và mạng xã hội. 7 công nghệ này mới ở dạng nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm hoặc bắt đầu đưa vào ứng dụng ở mức độ thấp tại Việt Nam hiện nay.

Chuyển đổi số tại cơ quan Chính phủ, tổ chức cũng như doanh nghiệp được đánh giá là vấn đề mấu chốt và thiết yếu nhằm thúc đẩy kinh doanh điện tử, phát triển Kinh tế số trong thời gian tới.

2.3. Về phát triển thương mại điện tử (eCommerce)

Thương mại điện tử (TMĐT) chứng kiến mức tăng trưởng mạnh, ước tính khoảng 25%/năm trong những năm gần đây. Mặc dù TMĐT là lĩnh vực được đánh giá có nhiều tiềm năng, tuy nhiên còn tồn tại, trở ngại tác động đến tốc độ phát triển của thị trường TMĐT Việt Nam hiện nay, cụ thể như:

(i) Cơ sở hạ tầng cho TMĐT còn thiếu đồng bộ: Các hạ tầng dịch vụ hỗ trợ cho TMĐT như hạ tầng hóa đơn và chứng từ điện tử, hạ tầng thanh toán, hạ tầng logistics hiện đang phát triển ở các mức độ khác nhau, thiếu sự đồng bộ và thiếu tính kết nối.

(ii) Các cơ chế quản lý chưa theo kịp sự phát triển của các mô hình TMĐT mới: TMĐT có đặc thù là dựa trên nền tảng công nghệ, nền tảng Internet với tốc độ phát triển và thay đổi vô cùng nhanh chóng. Nhiều mô hình TMĐT mới liên tục xuất hiện, có tính chất xuyên biên giới, đa dạng về chủ thể tham gia, phức tạp về cách thức hoạt động như Uber, Airbnb... Những mô hình này đã vượt khỏi các khuôn mẫu kinh doanh truyền thống và đòi hỏi sự thay đổi về tư duy quản lý cũng như các cơ chế quản lý hiện hành;

(iii) Tập quán thương mại và thói quen tiêu dùng: Tập quán mua sắm nhỏ lẻ và thói quen dùng tiền mặt của người tiêu dùng Việt Nam là một vấn đề khó có thể khắc phục trong ngắn hạn. Đây là một trong những lực cản khá lớn cho việc xây dựng các mô hình TMĐT hoàn chỉnh, trong đó toàn bộ chu trình thương mại được tiến hành trên môi trường điện tử;

(iv) Thị trường TMĐT phát triển chưa đồng bộ tại các tỉnh/thành phố.

Không những thế, tranh chấp trong thương mại điện tử có xu hướng gia tăng về cả quy mô và mức độ. Đặc thù của thương mại điện tử là người mua và người bán không gặp mặt, chỉ liên lạc qua mạng, nên hàng giả, hàng nhái xuất hiện ngày càng nhiều trên các gian hàng trực tuyến.

2.4. Về phát triển chính phủ điện tử

Thực hiện các chủ trương của Đảng về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về chính phủ điện tử, trong đó xác định mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Đồng thời, nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên hợp quốc và công

khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng làm nền tảng trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử. Trong năm 2019, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đã tăng gấp đôi. Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia, 86,5% số văn bản điện tử trao đổi qua mạng, tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm... Đáng chú ý, từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ nhấn nút khai trương (ngày 09/12/2019) đến nay, đã có 09 trong số 22 bộ, cơ quan và tất cả các tỉnh, thành phố kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>⁵. Cổng DVCQG là đầu mối giúp công khai, minh bạch các thông tin liên quan về thủ tục hành chính và cung cấp, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công theo nhu cầu sử dụng, phù hợp với từng đối tượng, với phương châm “lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ”, không bỏ ai lại phía sau trong quá trình cải cách. Đây cũng được coi là công cụ quan trọng, hỗ trợ đặc lực cho quá trình đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam, hướng tới phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Bên cạnh đó, hiện tại, 63/63 tỉnh, thành phố và 19/30 bộ, ngành đã công khai tiến độ xử lý hồ sơ trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ⁶. Văn phòng Chính phủ cũng công khai việc xử lý văn bản của lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong tổng số 83 dịch vụ công trực tuyến giao cho 20 bộ, ngành, đến nay, các bộ, ngành đã triển khai thực hiện 78/83 dịch vụ công trực tuyến; trong tổng số 44 dịch vụ công trực tuyến giao cho các địa phương, đến nay có 32/63 địa phương đã triển khai thực hiện...⁷

Đặc biệt, hành lang pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử cũng đã dần được thiết lập. Một số cơ sở dữ liệu mang tính chất nền tảng thông tin như: Cơ sở dữ liệu quốc gia

về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang được xây dựng và đã có những cấu phần đi vào vận hành. Các cơ quan nhà nước đã cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến thiết yếu cho doanh nghiệp và người dân như: đăng ký doanh nghiệp, kê khai thuế, nộp thuế, hải quan điện tử, bảo hiểm xã hội... Một số bộ, ngành đã xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Tại một số địa phương, hệ thống thông tin một cửa điện tử được đưa vào vận hành, dần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của đội ngũ công chức. Chất lượng nhân lực về công nghệ thông tin của Việt Nam cũng đã được quan tâm.

Mặc dù bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan, nhưng vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn trong lộ trình xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Nhìn chung việc triển khai Chính phủ điện tử chưa đạt được như mong muốn của lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Chính phủ. Vị trí của Việt Nam trong Bảng xếp hạng Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp quốc vẫn ở mức trung bình, theo báo cáo mới nhất của Liên Hợp quốc, 2 năm qua, chúng ta tăng 1 bậc, đang xếp thứ 88 trong tổng số 193 quốc gia và lãnh thổ được đánh giá. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam chỉ được xếp hạng khiêm tốn ở vị trí thứ 6⁸.

Kết quả triển khai nhiều nhiệm vụ về Chính phủ điện tử còn rất chậm và nhiều nơi thực hiện mang tính hình thức. Việc xây dựng triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử rất chậm so với tiến độ cần có; các hệ thống thông tin dữ liệu còn cục bộ, chưa có kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; chất lượng dữ liệu và thông tin chưa được cập nhật kịp thời, chính xác; nhiều hệ thống thông tin đã triển khai chưa bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, mức độ tin cậy của quốc gia trong giao dịch điện tử thấp.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn chạy theo số lượng trong khi tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch

5. Lan Anh, *Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử*, <https://nhandan.com.vn>, 22/02/2020

6. Hoàng Anh, *Phát triển chính phủ điện tử trong cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, <http://egov.chinhphu.vn>.

7. Hoàng Anh, *Phát triển chính phủ điện tử trong cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, <http://egov.chinhphu.vn>.

8. Thanh Minh, *Chính phủ điện tử Việt Nam xếp hạng 88 trên thế giới*, <http://tapchitaichinh.vn>, ngày 06/11/2018.

vụ công trực tuyến còn rất thấp; việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ công việc còn mang nặng tính thủ công, giấy tờ. Còn những rào cản trong cơ chế đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong triển khai các dự án. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều lãnh đạo Chính phủ, bộ, ngành, địa phương còn chưa có đầy đủ thông tin dữ liệu số của các đối tượng mình quản lý.

3. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Một là, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nền kinh tế số nhằm tạo biện pháp tổng lực thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế số. Theo đó, Chính phủ cần có chính sách tăng cường nhận thức của người dân và doanh nghiệp về kinh tế số, các lợi ích và thách thức đi kèm, với các nội dung cụ thể theo từng ngành, lĩnh vực. Các cơ quan báo chí, truyền thông cần định hướng dư luận, giúp cho các doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội có nhận thức đúng về nền kinh tế số, qua đó có sự chuẩn bị tốt nhất cho thích ứng xu hướng phát triển này. Biện pháp này cũng đồng thời giúp tăng cường trách nhiệm của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân trong xây dựng nền kinh tế số. Việc nắm bắt thông tin đúng đắn, nhanh nhạy về bản chất, xu hướng phát triển nền kinh tế số giúp các doanh nghiệp tích cực nắm bắt các cơ hội cũng như bảo đảm tính cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số toàn cầu và sẵn sàng đồng hành cùng Chính phủ hội nhập nền kinh tế số của thế giới. Đối với mỗi cá nhân, việc tự trang bị và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ kỹ thuật số sẽ giúp phục vụ cho các công việc trong tương lai và tự biết bảo vệ trước các nguy cơ bị đe dọa hay lấy cắp thông tin cá nhân trực tuyến.

Hai là, nghiên cứu, đề xuất xây dựng Đề án Kinh tế số một cách toàn diện và cụ thể để từng bước thực hiện chiến lược phát triển nền kinh tế số. Đề án này sẽ tập trung đề xuất, kiến nghị toàn diện và cụ thể về chiến lược, định hướng và giải pháp phát triển Kinh tế số, công nghiệp thông minh, kinh doanh điện tử, hạ tầng Kinh tế số, thương mại điện tử tại Việt Nam thời gian tới, trong đó chú trọng tính hiệu quả, khả thi phù hợp, hài hòa với tình hình phát triển chung của kinh tế hiện nay.

Đề án cũng sẽ là một thiết kế hệ thống Kinh tế số tổng thể, hài hòa trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, song song với các chính sách quốc gia như Đề án “Chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc

cách mạng công nghiệp lần thứ 4”; Đề án “Chiến lược chuyển đổi số quốc gia”... trong đó đặt doanh nghiệp làm trung tâm trong phát triển Hệ sinh thái Kinh tế số, thiết lập nền công nghiệp sản xuất thông minh, hỗ trợ hiệu quả quá trình chuyển đổi số, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Qua đó, góp phần quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bắt đầu hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

Ba là, hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Theo đó, các chính sách và quy định này cần bao quát về quản lý các luồng dữ liệu xuyên quốc gia, bảo mật dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ khách hàng, giao dịch điện tử và pháp luật về thương mại điện tử và thuế. Hiện tại, hệ thống thể chế, chính sách cũng như các thiết chế thực thi, giải quyết tranh chấp và hiệu lực của cơ quan thực thi liên quan đến phát triển kinh tế số còn yếu, chưa đồng bộ và hiệu quả nên chưa khai thác hết tiềm năng để phát triển kinh tế số. Thói quen giao dịch, thanh toán dùng tiền mặt, trả tiền khi nhận hàng của đa số người tiêu dùng là trở ngại lớn, làm tăng chi phí cho cả xã hội, doanh nghiệp và người dân. Nhận thức của người dân về kinh tế số còn hạn chế, kỹ năng sử dụng internet an toàn thấp và chưa theo kịp với tốc độ phát triển của công nghệ. Do vậy, cần hoàn thiện thể chế, chính sách về kinh tế số nhằm tạo điều kiện và môi trường thuận lợi, minh bạch cho các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế số.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần có chính sách khuyến khích phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao và ứng dụng các công nghệ mới. Tại nhiều quốc gia trên thế giới đã chứng kiến nhiều doanh nghiệp công nghệ tiên phong đi đầu và tạo được thương hiệu cũng như tầm ảnh hưởng rộng lớn trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Có được những thành tựu đó, các thương hiệu này luôn có được sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ phía Chính phủ với tư duy quản lý thông thoáng, tạo cơ chế ưu tiên cho sáng tạo, đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bốn là, tăng cường đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số cũng như các giải pháp công nghệ số hiện đại để triển khai các ứng dụng số kết nối thông minh, đẩy nhanh các ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, hiệu quả hóa chính phủ điện tử... Đây là nền tảng quan trọng cần triển khai để tạo điều

kiện cho các hoạt động trực tuyến. Về nâng cấp hạ tầng số, Chính phủ và các doanh nghiệp cần khẩn trương chuẩn bị các phương án triển khai dịch vụ 5G để có thể theo kịp xu hướng thế giới khi nửa đầu năm 2019 sẽ có điện thoại thông minh tích hợp 5G với tốc độ cao gấp nhiều lần mạng 4G hiện nay. Công nghệ 5G sẽ tạo cơ sở hạ tầng tốt cho việc kết nối theo xu hướng Internet kết nối vạn vật, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh rất lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trên cơ sở nền tảng viễn thông mạnh, Việt Nam cũng cần tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác, song song với phát triển các công nghệ yếu tố đảm bảo an toàn an ninh thông tin trên không gian mạng. Bởi hiện tại, việc lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng giả ngày càng trở nên tinh vi trên môi trường internet, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở khắp nơi trên thế giới. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân, quảng bá, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, trên các sàn thương mại điện tử nhưng đơn vị quản lý sàn thương mại điện tử lại không có trụ sở ở Việt Nam. Vì vậy, nếu xảy ra những vấn đề phát sinh trong quá trình giao dịch, thì việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Năm là, đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện thể chế và triển khai xây dựng phát triển chính phủ điện tử.

Trước mắt, cần sớm ban hành các nghị định về chia sẻ dữ liệu; về bảo vệ dữ liệu cá nhân; về xác thực điện tử; về bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân; về chế độ báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Khẩn trương ban hành Nghị định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này, thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP về đầu tư ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Trong thời gian tới cần nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Chính phủ điện tử và các văn bản hướng dẫn bảo đảm hành lang pháp lý phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới hướng tới nền kinh tế số, xã hội số.

Cùng với đó, cần tập trung hoàn thiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng quốc gia, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai... để

đảm bảo dữ liệu, thông tin được thống nhất, thông suốt giữa chính phủ và chính quyền các cấp. Đồng thời, thiết lập các hệ thống ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phục vụ quản lý điều hành của Chính phủ. Theo đó, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương cần tích cực xây dựng Cổng dịch vụ công quốc gia và triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối Cổng dịch vụ công bộ, ngành, địa phương. Đây là hệ thống quan trọng để kết nối Chính phủ với người dân và doanh nghiệp, thể hiện tinh thần phục vụ của Chính phủ. Cổng dịch vụ công quốc gia cần tiến tới là một hiện diện số nhất quán, đầy đủ và thân thiện của Chính phủ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Sáu là, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực để hình thành đội ngũ chuyên ngành thương mại điện tử, an ninh mạng, công nghệ thông tin, truyền thông... nhằm chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi sản xuất và việc làm trên môi trường internet. Nhân lực số là một câu phân quan trọng của Kinh tế số. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam vẫn là quốc gia thâm dụng lao động, với thị trường lao động nặng về lao động đơn giản, trong khi đó, xu hướng đang dịch chuyển sang lao động có tay nghề, đặc biệt lao động trong thời kì số hóa. Về tỷ lệ lao động trong nền kinh tế tại Việt Nam theo khảo sát của WEF: 40% là lao động tay nghề thấp, 50% lao động trung bình và chỉ 10% là lao động có tay nghề. Kết quả nghiên cứu của ILO tại Việt Nam, cũng chỉ ra rằng trong 10 năm tới, 70% số việc làm có rủi ro cao, 18% rủi ro trung bình, và chỉ 12% lao động có rủi ro thấp⁹.

Do vậy, Việt Nam cần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực để chuẩn bị và kịp thời thích ứng với quá trình chuyển đổi nền kinh tế số. Theo đó, chương trình đào tạo nhân lực CNTT cần hướng đến đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục công nghệ thông tin, đặc biệt là cập nhật giáo trình đào tạo CNTT gắn với các xu thế công nghệ mới như Internet kết nối vạn vật (IoT), AI, công nghệ robot, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tiếp cận lĩnh vực này càng sớm càng tốt, đẩy mạnh liên kết đào tạo và thực hành giữa các trường và khu vực doanh nghiệp trong ứng dụng CNTT. Đây cũng là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của nền kinh tế số.

Bảy là, tăng cường hợp tác quốc tế về các mặt hoạt động liên quan đến phát triển nền kinh tế số

9. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Tài liệu chuẩn bị phiên tổng thể của diễn đàn kinh tế tư nhân Việt Nam 2019.

trong bối cảnh hội nhập. Theo đó, cần chủ động tìm hiểu và tham gia các nỗ lực quốc tế, các cơ chế, sáng kiến hợp tác, liên kết quốc tế, khu vực, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp chính sách với các quốc gia trên bình diện cả song phương lẫn đa phương ở các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế số và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ liên quốc gia từ quá trình phát triển kinh tế số hiện nay.

Các lĩnh vực hợp tác quan trọng, bao gồm thu thuế xuyên biên giới qua không gian mạng, bảo đảm an ninh an toàn không gian mạng, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư, ngăn chặn và chống các loại tội phạm công nghệ, tạo thuận lợi cho kết nối hạ tầng và thanh toán số nhằm hỗ trợ các giao dịch xuyên quốc gia, bảo vệ người tiêu dùng xuyên biên giới, xử lý tranh chấp pháp lý về quyền và lợi ích kinh tế qua không gian mạng xuyên biên giới, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ... Trong khía cạnh này cần coi trọng thúc đẩy hợp tác trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu, như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC... nhằm xây dựng những quy tắc phối hợp và ứng xử chung, các hiệp định, công ước và thỏa thuận hợp tác, phối hợp trên những vấn đề liên quan nảy sinh từ sự phát triển của kinh tế số.

Kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, tạo ra những cơ hội lớn chưa từng có đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia song cũng tạo ra những thách thức không hề nhỏ trước nguy cơ tụt hậu. Do vậy, để có thể tận dụng những cơ hội và vượt qua thách thức, mỗi quốc gia cần có chiến lược, lộ trình và kế hoạch cụ thể để kiến tạo phát triển nền kinh tế số và hội nhập với xu thế của thế giới. Ở góc độ này, vai trò của quản lý nhà nước là hết sức quan trọng trong việc xây dựng, điều chỉnh chính sách để hỗ trợ kinh tế số phát triển. Đây cũng được coi là yếu tố quan trọng nhất để phát triển kinh tế số ở Việt Nam. Thông qua thiết lập một môi trường thể chế minh bạch, rõ ràng, thuận lợi, Chính phủ có thể thúc đẩy một cách có hiệu quả và bảo đảm sự phát triển kinh tế số đạt mục tiêu mà Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Việt Dũng, *Kinh tế số - cơ hội “bứt phá” cho Việt Nam*, <http://hdl.vn>, ngày 28/05/2020.
2. Võ Văn Lợi, *Phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp 4.0*, <http://tapchitaichinh.vn>, ngày 09/02/2019.

3. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, *Phát triển nền kinh tế số nhìn từ kinh nghiệm một số nước Châu Á và hàm ý đối với Việt Nam*, Công thông tin kinh tế Việt Nam - VNEP (<https://Vnep.org.vn>), Hà Nội - 2018.

4. Nguyễn Đức, *Lo ngại nhân lực doanh nghiệp Việt “đuối” trong nền kinh tế số*, <https://thegioitiepthe.vn>, ngày 30/07/2019.

5. Bùi Thanh Tuấn, *Một số khó khăn, thách thức trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam*, <http://lyluanchinhtri.vn>, ngày 18/4/2020.

6. Hải Linh, *Nhiều thách thức trong quản lý hoạt động thương mại điện tử*, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn>, ngày 19/9/2019.

7. Trần Mai Hiền, *Kinh tế số và cơ hội để Việt Nam bứt phá*, <http://tapchiconsan.org.vn>.

8. Trần Thị Hằng, *Quản lý nhà nước trong nền kinh tế số*, <http://tapchitaichinh.vn>, ngày 05/11/2019.

9. Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương, *Báo cáo Đề án phát triển kinh tế số đến năm 2025, tầm nhìn 2030*.

10. Phan Văn Rân, Ngô Chí Nguyên, *Đề phát triển kinh tế số ở nước ta hiện nay*, <http://tapchiconsan.org.vn>, ngày 02/11/2019.

Summary

With a population of almost 100 million people, Vietnam is considered one of the countries with fast digital economy development in ASEAN. Vietnam has recorded digitalization in different areas and sectors including trade, payment, transportation, education, healthcare, etc. Besides, e-commerce has been developing rapidly, and Vietnam's online advertising market is growing at fast pace. However, so that the digital economy could develop rapidly and sustainably keeping up with the world's trend, the government's role in creating development for the digital economy is vital and must be enhanced in the context of the increasingly strong Industrial revolution 4.0.